

Số/No: 24.1.MV.14682.9

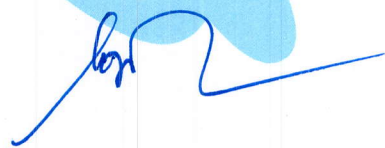
Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- 1. Tên mẫu thử/ Sample: **CHUYÊN SB - 616E**
LÔ 270702
- 2. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH HIWIN HONGKONG**
- 3. Số lượng mẫu/ Quantity: 01
- 4. Tình trạng mẫu/ Observation: *Xem ảnh kèm theo*
- 5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 19 / 08 / 2024
- 6. Ngày thử nghiệm/ Time duration: 19 / 08 / 2024
- 7. Phương pháp thử/ Test method: ASTM E1086 - 22
- 8. Ngày hoàn thành/Completion: 19 / 08 / 2024
- 9. Kết quả thử nghiệm/ Result of testing: *Xem trang sau / See next page*

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà nội, ngày 21 / 08 / 2024
GIÁM ĐỐC/ Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



- 1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.*
- 2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- 3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No: 24.1.M, 11689.9

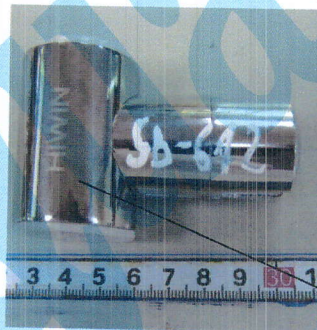
Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học % <ul style="list-style-type: none"> • Carbon C • Silicon Si • Sulfur S • Phosphorus P • Manganese Mn • Nickel Ni • Chromium Cr • Molybdenum Mo • Vanadium V • Copper Cu • Tungsten W • Titanium Ti 	ASTM E1086 - 22	JIS G4305 (SUS 304) ≤ 0,080 ≤ 1,000 ≤ 0,030 ≤ 0,045 ≤ 2,000 8,000 ÷ 10,500 18,000 ÷ 20,000	0,0605 0,4451 0,0031 0,0370 1,0650 8,1543 18,0641 0,0041 0,1089 0,0671 0,0044 0,0051

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



▲ Vị trí thử

